

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HKII MÔN ĐỊA 10

Câu 1. Vai trò chủ đạo của ngành sản xuất công nghiệp được thể hiện

- A. cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất.
- B. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- C. sản xuất ra nhiều sản phẩm mới.
- D. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

Câu 2: Sản phẩm của ngành công nghiệp

- A. Chỉ để phục vụ cho ngành nông nghiệp.
- B. Chỉ để phục vụ cho giao thông vận tải.
- C. Phục vụ cho tất cả các ngành kinh tế.
- D. Chỉ để phục vụ cho du lịch.

Câu 3. Nhân tố tự nhiên quan trọng nhất ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp là

- A. khí hậu.
- B. khoáng sản.
- C. biển.
- D. rừng.

Câu 4: Sản phẩm nào **không** thuộc CN chế biến thực phẩm?

- A. Vải.
- B. Rượu, bia.
- C. Đồ hộp.
- D. Nước mắm.

Câu 5. Ngành công nghiệp năng lượng bao gồm những phân ngành nào sau đây?

- A. Công nghiệp điện lực, hóa chất và khai thác than.
- B. Khai thác dầu khí, công nghiệp luyện kim và cơ khí.
- C. Khai thác gỗ, khai thác dầu khí và công nghiệp nhiệt điện.
- D. Khai thác than, khai thác dầu khí và công nghiệp điện lực.

Câu 6. Khoáng sản nào sau đây được coi là “vàng đen” của nhiều quốc gia?

- A. Than.
- B. Dầu mỏ.
- C. Sắt.
- D. Mangan.

Câu 7. Than là nguồn nhiên liệu quan trọng cho

- A. nhà máy chế biến thực phẩm.
- B. nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim
- C. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
- D. nhà máy thủy điện, nhà máy điện hạt nhân.

Câu 8. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng bao gồm

- A. thịt, cá hộp và đông lạnh, rau quả sấy.
- B. dệt - may, chế biến sữa, sành - sứ - thủy tinh.
- C. nhựa, sành - sứ - thủy tinh, nước giải khát.
- D. dệt - may, da giày, nhựa, sành - sứ - thủy tinh.

Câu 9. Nguyên liệu chủ yếu của công nghiệp thực phẩm là sản phẩm của ngành

- A. khai thác gỗ, khai thác khoáng sản.
- B. khai thác khoáng sản, thủy sản.
- C. trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản.
- D. khai thác gỗ, chăn nuôi và thủy sản.

Câu 10. Hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp đơn giản nhất là

- A. điểm công nghiệp.
- B. vùng công nghiệp.
- C. trung tâm công nghiệp.
- D. khu công nghiệp tập trung.

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây thuộc về khu công nghiệp tập trung?

- A. Đồng nhất với một điểm dân cư.
- B. Các xí nghiệp, không có mối liên kết nhau.
- C. Có ranh giới rõ ràng, được đặt nơi có vị trí thuận lợi.
- D. Gắn liền với đô thị vừa và lớn.

Câu 12. Các trung tâm công nghiệp thường được phân bố đâu?

- A. Thị trường lao động rẻ.
- B. Giao thông thuận lợi.
- C. Nguồn nguyên liệu phong phú.
- D. Những thành phố lớn.

Câu 13. Về phương diện quy mô có thể xếp các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp theo thứ tự từ nhỏ đến lớn như sau

- A. Điểm công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp.
- B. Điểm công nghiệp, vùng công nghiệp, trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp.
- C. Khu công nghiệp, điểm công nghiệp, vùng công nghiệp, trung tâm công nghiệp.
- D. Vùng công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, điểm công nghiệp.

Câu 14. Trong ngành công nghiệp điện tử - tin học, các sản phẩm: phần mềm, thiết bị công nghệ thuộc nhóm

- A. máy tính.
- B. thiết bị điện tử.
- C. điện tử tiêu dùng.
- D. thiết bị viễn thông.

Câu 15. Ngành công nghiệp nào sau đây được coi là ngành kinh tế quan trọng và cơ bản của các quốc gia?

- A. Thực phẩm.
- B. Năng lượng.
- C. Điện tử - tin học.
- D. Sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 16. Nhân tố nào sau đây **không** phải là nhân tố kinh tế - xã hội có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp?

- A. Vị trí địa lí.
- B. Tiến bộ khoa học kỹ thuật.

C. Thị trường.

D. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật.

Câu 17. Ý nào sau đây **không phải** vai trò của ngành công nghiệp điện lực?

A. Đẩy mạnh tiến bộ khoa học - kĩ thuật.

B. Là cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại.

C. Đáp ứng đời sống văn hóa, văn minh của con người.

D. Là mặt hàng xuất khẩu có giá trị của nhiều nước.

Câu 18. Sự phát triển của công nghiệp thực phẩm có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của ngành nào sau đây?

A. Luyện kim

B. Xây dựng.

C. Nông nghiệp.

D. Khai khoáng.

Câu 19. Ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chịu ảnh hưởng nhiều bởi

A. việc sử dụng nhiên liệu, chi phí vận chuyển.

B. thời gian và chi phí xây dựng tốn kém.

C. lao động, nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

D. nguồn nhiên liệu và thị trường tiêu thụ.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về điểm công nghiệp?

A. Đồng nhất với một điểm dân cư.

B. Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp.

C. Được đặt ở những nơi gần nguồn nguyên, nhiên liệu, nông sản.

D. Có xí nghiệp nòng cốt, một vài ngành tạo nên hướng chuyên môn hóa.

Câu 21. Cơ sở hạ tầng thiết yếu của một khu công nghiệp là có

A. các loại hình giao thông.

B. bãi kho, bến cảng và hệ thống giao thông

C. nhiều nhà máy xí nghiệp.

D. điện, nước, giao thông, thông tin liên lạc.

Câu 22. Ý nào sau đây là đặc điểm chính của vùng công nghiệp?

A. Có ranh giới rõ ràng, có vị trí thuận lợi.

B. Sản xuất các sản phẩm để tiêu dùng và xuất khẩu.

C. Có một vài ngành tạo nên hướng chuyên môn hóa.

D. Tập trung ít xí nghiệp, không có mối liên hệ với nhau.

Câu 23. Nguồn năng lượng nào dưới đây được coi là năng lượng sạch có thể tái tạo được?

A. Than đá.

B. Dầu mỏ.

C. Khí đốt.

D. Địa nhiệt.

Câu 24. Một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ phát triển kinh tế của một nước là

A. tỉ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP.

B. tỉ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu GDP.

C. tỉ trọng lao động trong ngành công nghiệp.

D. tỉ trọng lao động trong ngành nông nghiệp.

Câu 25. Ở nước ta, vùng than lớn nhất đang khai thác thuộc tỉnh

A. Lạng Sơn.

B. Hòa Bình.

C. Cà Mau.

D. Quảng Ninh.

Câu 26. Ý nào sau đây đúng nhất khi so sánh điểm khác nhau cơ bản giữa khu công nghiệp và điểm công nghiệp?

A. quy mô rộng lớn, ranh giới rõ ràng, được đặt ở vị trí thuận lợi.

B. quy mô rộng lớn, đồng nhất với điểm dân cư, nằm gần nguồn nguyên liệu, nông sản.

C. có ranh giới rõ ràng, gồm 1 đến 2 xí nghiệp công nghiệp không có mối liên hệ với nhau.

D. đồng nhất với điểm dân cư, gồm nhiều nhà máy, xí nghiệp có mối liên hệ sản xuất với nhau.

Câu 27. Ở Việt Nam, trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô lớn nhất về giá trị sản xuất công nghiệp?

A. Biên Hòa.

B. Thủ Dầu Một.

C. TP. Hồ Chí Minh.

D. Vũng Tàu.

Câu 28. Những nước sản xuất nhiều điện nhất thế giới thường có

A. nguồn thủy năng lớn. B. địa hình dốc, hiểm trở.

C. nền kinh tế phát triển.

D. trữ lượng than lớn.

Câu 29. Mục đích chủ yếu của việc xây dựng các khu công nghiệp tập trung ở các nước đang phát triển là

A. sản xuất phục vụ xuất khẩu.

B. thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

C. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất.

D. tạo sự hợp tác sản xuất giữa các xí nghiệp.

Câu 30. Các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm thường phân bố ở

A. gần nguồn nguyên liệu.

B. gần thị trường tiêu thụ.

C. ven các thành phố lớn.

D. nơi tập trung đông dân.

Câu 31. Trình độ phát triển công nghiệp hoá của một nước biểu thị ở

- A. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật.
- B. Trình độ phát triển và sự lớn mạnh về kinh tế.
- C. Sức mạnh an ninh, quốc phòng của một quốc gia.
- D. Trình độ lao động và khoa học kĩ thuật của một quốc gia.

Câu 32. Ngành công nghiệp nào sau đây có khả năng giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là lao động nữ?

- A. Công nghiệp luyện kim.
- B. Công nghiệp dệt.
- C. Công nghiệp hóa chất.
- D. Công nghiệp năng lượng.

Câu 33. Ở Việt Nam phổ biến hình thức khu công nghiệp tập trung vì

- A. có nguồn lao động dồi dào, trình độ cao.
- B. đạt được hiệu quả kinh tế cao.
- C. có nhiều ngành nghề thủ công truyền thống.
- D. có cơ sở hạ tầng khá phát triển.

Câu 34. Ở nước ta, ngành công nghiệp nào cần được ưu tiên đi trước một bước?

- A. Điện lực.
- B. Sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. Chế biến dầu khí.
- D. Chế biến nông - lâm - thủy sản.

Câu 35: Để khai thác tốt nhất các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã – hội và mang lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất công nghiệp, nhân tố đóng vai trò quan trọng hàng đầu là

- A. Thị trường
- B. Tiến bộ khoa học kĩ thuật.
- C. Dân cư – lao động.
- D. Cơ sở hạ tầng, vật chất kĩ thuật.

Câu 36: Cho bảng số liệu: Sản lượng than của Liên Bang Nga giai đoạn 2010-2017 (đơn vị: triệu tấn)

Năm	2010	2015	2017
Sản lượng than	322,9	372,6	412,5

Theo BSL, sản lượng than của LB Nga năm 2017 tăng so với năm 2010 là **(nhận biết)**

- A. 89,6 triệu tấn.
- B. 99,6 triệu tấn.
- C. 95 triệu tấn.
- D. 95,6 triệu tấn.

Câu 37: Cho bảng số liệu: Tốc độ tăng trưởng sản lượng than và điện của Trung Quốc giai đoạn 2010 - 2017 (Đơn vị: %)

Năm	2010	2017
Than	100	102,7
Điện	100	156,9

Căn cứ vào BSL, nhận xét nào đúng về tốc độ tăng trưởng sản lượng than và điện của Trung Quốc năm 2010 và 2017?

- A. Than tăng nhanh hơn điện.
- B. Than và điện tăng bằng nhau.
- C. Điện tăng nhanh hơn than.
- D. Điện tăng nhanh, than không tăng.

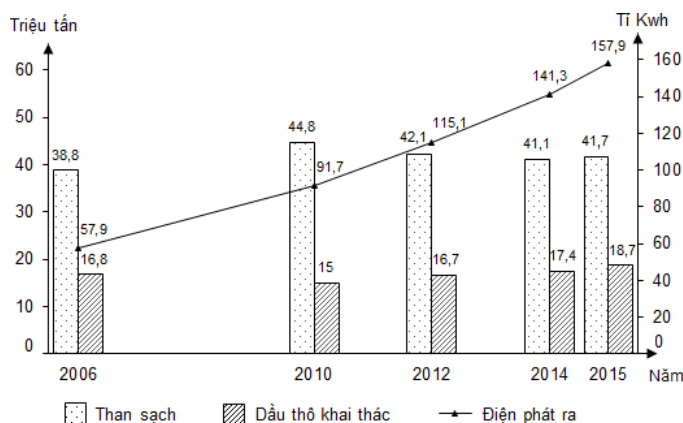
Câu 38: Cho BSL: Sản lượng dầu mỏ của LB Nga giai đoạn 2005 - 2017 (Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2005	2010	2017
SL dầu mỏ	470,0	511,8	554,3

Nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng dầu mỏ của LB Nga giai đoạn 2005 – 2017

- A. Tăng qua các năm.
- B. Giảm qua các năm.
- C. Tăng giảm không đều.
- D. Không tăng, không giảm.

Câu 39. Cho biểu đồ:



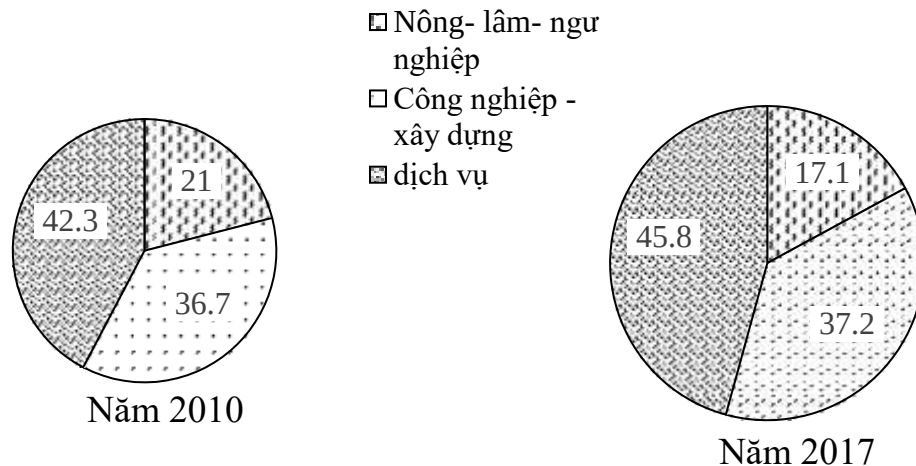
(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sản lượng than sạch, dầu thô và điện của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2015.
- B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than sạch, dầu thô và điện của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2015.
- C. Qui mô và cơ cấu sản lượng than sạch, dầu thô và điện của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2015.
- D. Cơ cấu sản lượng than sạch, dầu thô và điện của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2015.

Câu 40: Cho BD:

CƠ CẤU GDP PHÂN THEO NGÀNH KINH TẾ CỦA VIỆT NAM NĂM 2010 VÀ 2017 (ĐV: %)



Căn cứ biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi GDP phân theo ngành kinh tế của nước ta năm 2010 và 2017?

- A. Nông- lâm- thủy sản tăng, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ giảm.
- B. Nông lâm, thủy sản và công nghiệp- xây dựng giảm, dịch vụ tăng.
- C. Nông lâm, thủy sản giảm, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng.
- D. Nông lâm, thủy sản giảm, công nghiệp - xây dựng tăng, dịch vụ không đổi.

Câu 41. Ý nào sau đây đúng với vai trò của ngành sản xuất công nghiệp?

- A. Là cơ sở để phát triển ngành chăn nuôi.
- B. Cung cấp lương thực thực phẩm cho con người.
- C. Sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn cho xã hội.
- D. Tạo ra mối liên hệ kinh tế, xã hội giữa các địa phương, các nước.

Câu 42. Nhân tố nào sau đây giúp ngành công nghiệp phân bố ngày càng hợp lí hơn?

- A. Dân cư và nguồn lao động.
- B. Thị trường.
- C. Đường lối chính sách.
- D. Tiến bộ khoa học kĩ thuật.

Câu 43. Điều **không** phải sản phẩm của ngành công nghiệp thực phẩm?

- A. Dệt - may, da giày, nhựa.
- B. Thịt, cá hộp và đông lạnh.
- C. Rau quả sấy và đóng hộp.
- D. Sữa, rượu, bia, nước giải khát.

Câu 44. Ngành công nghiệp năng lượng bao gồm những phân ngành nào sau đây?

- A. Công nghiệp điện lực, hóa chất và khai thác than.
- B. Khai thác dầu khí, công nghiệp luyện kim và cơ khí.
- C. Khai thác gỗ, khai thác dầu khí và công nghiệp nhiệt điện.
- D. Khai thác than, khai thác dầu khí và công nghiệp điện lực.

Câu 45. Dầu mỏ tập trung nhiều nhất ở khu vực nào sau đây?

- A. Bắc Mỹ.
- B. Châu Âu
- C. Trung Đông.
- D. Châu Đại Dương

Câu 46: Ngành khai thác than có vai trò quan trọng trong việc cung cấp nhiên liệu cho

- A. nhà máy chế biến thực phẩm.
- B. nông nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim.
- D. nhà máy thủy điện, nhà máy điện hạt nhân.

Câu 47. Sản phẩm từ sành - sứ - thủy tinh thuộc ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Công nghiệp thực phẩm
- B. Công nghiệp điện tử - tin học
- C. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng
- D. Công nghiệp năng lượng

Câu 48: Ngành công nghiệp thực phẩm có vai trò gì?

- A. Đáp ứng nhu cầu hàng ngày của con người về ăn, uống.
- B. Là tiền đề của tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- C. Giải quyết về nhu cầu may mặc, sinh hoạt của con người.
- D. Là ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều nước.

Câu 49: Hình thức cơ bản nhất để tiến hành hoạt động công nghiệp là

- A. vùng công nghiệp.
- B. điểm công nghiệp.
- C. trung tâm công nghiệp.
- D. khu công nghiệp.

Câu 50: Nhân tố có ảnh hưởng lớn nhất đến việc lựa chọn địa điểm xây dựng khu công nghiệp là

- A. tài nguyên thiên nhiên.
- B. vị trí địa lý.
- C. dân cư và nguồn lao động.
- D. cơ sở hạ tầng.

Câu 51: Đặc điểm nào sau đây đúng với trung tâm công nghiệp?

- A. Quy mô diện tích nhỏ.
- B. Gần với đô thị vừa và lớn.
- C. Chỉ sản xuất các sản phẩm xuất khẩu.
- D. Không có xí nghiệp nông thôn.

Câu 52: Về phương diện quy mô có thể xếp các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ như sau

- A. Điểm công nghiệp, khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp.
- B. Điểm công nghiệp, vùng công nghiệp, trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp.
- C. Khu công nghiệp, điểm công nghiệp, vùng công nghiệp, trung tâm công nghiệp.
- D. Vùng công nghiệp, , trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp, điểm công nghiệp.

Câu 53: Ngành công nghiệp được coi là thước đo trình độ phát triển khoa học - kỹ thuật của mọi quốc gia trên thế giới là

- A. công nghiệp năng lượng.
- B. điện tử - tin học.
- C. sản xuất hàng tiêu dùng.
- D. công nghiệp thực phẩm.

Câu 54: Ngành công nghiệp được coi là cơ sở để phát triển nền công nghiệp hiện đại là

- A. công nghiệp điện lực.
- B. công nghiệp chế biến lương thực - thực phẩm.
- C. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
- D. công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

Câu 55: Ngành công nghiệp nào sau đây không thuộc ngành năng lượng?

- A. Khai thác than.
- B. Khai thác dầu khí.
- C. Điện lực.
- D. Lọc dầu.

Câu 56: Ý nào sau đây **không** phải là đặc điểm của ngành công nghiệp điện tử - tin học?

- A. Ít gây ô nhiễm môi trường.
- B. Không yêu cầu cao về trình độ lao động.
- C. Không chiếm diện tích rộng.
- D. Không tiêu thụ nhiều kim loại, điện, nước.

Câu 57: Sự phát triển của ngành công nghiệp nào thường gắn liền với sự phát triển của nông nghiệp?

- A. Dệt - may.
- B. Chế biến thực phẩm.
- C. Hóa chất.
- D. Cơ khí.

Câu 58: Nhận định nào sau đây **không** phải là lợi thế của ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

- A. Đòi hỏi ít vốn đầu tư, thời gian hoàn vốn nhanh.
- B. Lợi nhuận khá dễ và dựa trên nguồn nguyên liệu phong phú.
- C. Đòi hỏi vốn lớn, kỹ thuật cao và qui trình sản xuất khá phức tạp.
- D. Có khả năng xuất khẩu cao và sử dụng nhiều lao động

Câu 59: “Điểm công nghiệp” được hiểu là

- A. một đặc khu kinh tế, có cơ sở hạ tầng thuận lợi.
- B. một diện tích nhỏ dùng để xây dựng một số xí nghiệp công nghiệp.
- C. một điểm dân cư có 1 đến 2 xí nghiệp công nghiệp, gần vùng nguyên liệu.
- D. một lãnh thổ nhất định có những điều kiện thuận lợi để xây dựng các xí nghiệp công nghiệp.

Câu 60: Ý nào sau đây **không** thuộc khu công nghiệp tập trung?

- A. Có các xí nghiệp phục vụ, bổ trợ.
- B. Có vị trí thuận lợi gần bến cảng, sân bay.
- C. Gồm nhiều nhà máy xí nghiệp có quan hệ với nhau.
- D. Gắn liền với đô thị vừa và lớn.

Câu 61: Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên hướng chuyên môn hóa, đó là đặc điểm nổi bật của

- A. trung tâm công nghiệp.
- B. khu công nghiệp tập trung.
- C. điểm công nghiệp.
- D. vùng công nghiệp.

Câu 62: Nguồn năng lượng nào dưới đây được coi là năng lượng sạch có thể tái tạo được?

A. Than đá. B. Dầu mỏ. C. Khí đốt. D. Mặt trời

Câu 63. Một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá trình độ phát triển kinh tế của một nước là

- A. tỉ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu GDP.
B. tỉ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu GDP.
C. tỉ trọng lao động trong ngành công nghiệp.
D. tỉ trọng lao động trong ngành nông nghiệp.

Câu 64. Ở nước ta hiện nay, dầu mỏ đang khai thác nhiều ở vùng

- A. Bắc trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đông Nam Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 65. Điểm khác nhau giữa trung tâm công nghiệp với vùng công nghiệp là

- A. có nhiều xí nghiệp công nghiệp.
B. có các nhà máy, xí nghiệp hỗ trợ phục vụ.
C. Sản phẩm vừa tiêu thụ trong nước vừa xuất khẩu.
D. vùng công nghiệp có quy mô lớn hơn trung tâm công nghiệp.

Câu 66. Ở Việt Nam, trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô lớn nhất về giá trị sản xuất công nghiệp?

- A. Biên Hòa. B. Thủ Dầu Một. C. TP. Hà Nội. D. Vũng Tàu.

Câu 67: Sản xuất và tiêu thụ phần lớn sản lượng điện trên thế giới là các nước thuộc nhóm nào?

- A. Đang phát triển. B. Kém phát triển.
C. Các nước công nghiệp mới. D. Phát triển.

Câu 68. Mục đích chủ yếu của việc xây dựng các khu công nghiệp tập trung ở các nước đang phát triển là

- A. sản xuất phục vụ xuất khẩu. B. thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
C. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất. D. tạo sự hợp tác sản xuất giữa các xí nghiệp.

Câu 69. Các ngành công nghiệp khai thác than và dầu khí thường phân bố ở

- A. gần nguồn nguyên liệu. B. gần thị trường tiêu thụ.
C. ven các thành phố lớn. D. nơi tập trung đông dân.

Câu 70. Ở nước ta, ngành công nghiệp nào cần được ưu tiên đi trước một bước?

- A. Điện lực. B. Sản xuất hàng tiêu dùng.
C. Chế biến dầu khí. D. Chế biến nông - lâm - thủy sản.

Câu 71. Khu công nghiệp tập trung phổ biến ở nhiều nước đang phát triển vì

- A. Có nguồn lao động dồi dào, chất lượng cao.
B. phù hợp với điều kiện lao động và nguồn vốn.
C. thúc đẩy đầu tư và tăng cường hợp tác quốc tế.
D. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 72. Sự phát triển và phân bố của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng phụ thuộc chủ yếu vào nhân tố nào sau đây?

- A. Thị trường và tiến bộ khoa học kỹ thuật. B. Nguồn lao động và thị trường tiêu thụ.
C. Nguồn nguyên liệu và nguồn lao động. D. Vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên.

Câu 73: Để khai thác tốt nhất các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã – hội và mang lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất công nghiệp, nhân tố tiến bộ khoa học kỹ thuật đóng vai trò như thế nào?

- A. Quan trọng nhất. B. Không cần thiết.
C. Quan trọng. D. Tùy thuộc từng trường hợp.

Câu 74. Vai trò quan trọng của công nghiệp ở nông thôn và miền núi được xác định là

- A. Nâng cao đời sống dân cư. B. Cải thiện quản lý sản xuất.
C. Xoá đói giảm nghèo. D. Công nghiệp hoá nông thôn

Câu 75. Cho bảng số liệu:

Sản lượng gạo xay xát và đường kính của Việt Nam giai đoạn 2005 – 2020

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm Sản phẩm	2005	2010	2020
Gạo xay xát	28429	33473	43682,4
Đường kính	1102,3	1141,5	1672,9

Nguồn: niên giám thống kê Việt Nam năm 2021

Theo bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng gạo xay xát và đường kính của Việt Nam giai đoạn 2005 – 2020?

- A. Sản lượng gạo xay xát và đường kính có xu hướng tăng.
- B. Sản lượng gạo xay xát tăng nhanh hơn đường kính qua các năm..
- C. Sản lượng gạo xay xát cao hơn đường kính qua các năm.
- D. Sản lượng gạo xay xát và đường kính có xu hướng giảm

Câu 76. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG DẦU THÔ KHAI THÁC CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016 – 2019

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2016	2017	2019
Sản lượng dầu thô	17	15	13

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Căn cứ bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng dầu thô khai thác của Việt Nam giai đoạn 2016 – 2019?

- A. Điều tăng.
- B. Ổn định.
- C. Tăng mạnh.
- D. Điều giảm.

Câu 77. Cho bảng số liệu:

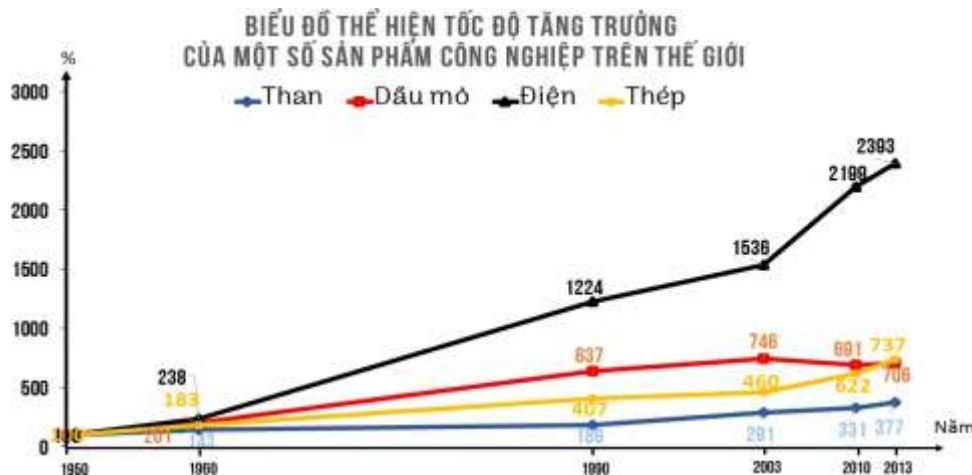
SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A NĂM 2010 VÀ NĂM 2016 (Đơn vị: tỉ kwh)

Năm	2010	2015	2016
Sản lượng điện	17,5	23,9	25,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, sản lượng điện của In-đô-nê-xi-a năm 2016 so với năm 2010 tăng

- A. 5,6 tỉ kwh.
- B. 6,5 tỉ kwh.
- C. 7,2 tỉ kwh.
- D. 7,5 tỉ kwh.

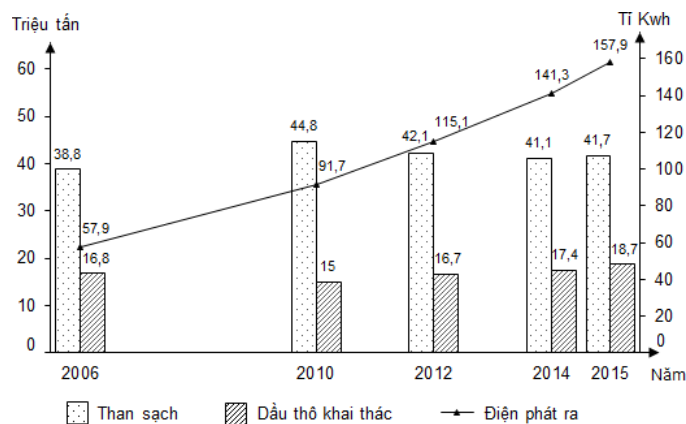


Câu 78. Cho biểu đồ sau:

Theo biểu đồ trên, nhận xét nào sau đây đúng về tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu mỏ, điện và thép trên thế giới thời kì 1950 – 2013: (thông hiểu)

- A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than tăng nhanh nhất, điện tăng chậm nhất.
- B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ tăng nhanh nhất, thép tăng chậm nhất.
- C. Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện tăng nhanh nhất, than tăng chậm nhất.
- D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng thép tăng nhanh nhất, dầu mỏ tăng chậm nhất.

Câu 79. Cho biểu đồ:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sản lượng than sạch, dầu thô và điện của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2015.
- B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng than sạch, dầu thô và điện của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2015.
- C. Qui mô và cơ cấu sản lượng than sạch, dầu thô và điện của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2015.
- D. Cơ cấu sản lượng than sạch, dầu thô và điện của Việt Nam giai đoạn 2006 - 2015.

Câu 80. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất - kĩ thuật tác động đến sự phát triển và phân bố công nghiệp được biểu hiện ở việc

- A. thúc đẩy sự phát triển và quy mô công nghiệp.
- B. tạo thuận lợi hay cản trở cho phát triển công nghiệp.
- C. tạo điều kiện cho phân bố và phát triển công nghiệp.
- D. tạo điều kiện xác định con đường phát triển công nghiệp.

